

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH PHÚ THỌ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09 /2020/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 15 tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Thông qua danh mục các dự án thu hồi đất; danh mục các dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận; danh mục các dự án chuyển tiếp tại Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh; danh mục các dự án điều chỉnh, bổ sung diện tích tại các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đang còn hiệu lực; danh mục các dự án thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ chấp thuận

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Xét Tờ trình số 2756/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục 152 dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải thu hồi đất; danh mục các dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10 héc ta, đất

rừng phòng hộ dưới 20 héc ta, đất rừng sản xuất dưới 50 héc ta trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, với diện tích 964,123 héc ta (trong đó: diện tích đất trồng lúa 213,351 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 362,804 héc ta; diện tích đất rừng phòng hộ 3,0 héc ta; diện tích các loại đất khác 384,969 héc ta), bao gồm:

- 124 dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 với diện tích 937,763 héc ta.

- 28 dự án sử dụng đất thông qua hình thức nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất (thỏa thuận bồi thường) phải chuyển mục đích đất trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 và đất rừng sản xuất theo quy định tại Điều 20 Luật Lâm nghiệp năm 2017, với diện tích 26,36 héc ta.

Chi tiết từng huyện, thành, thị như sau:

- Thành phố Việt Trì 28 dự án với diện tích 138,51 héc ta, trong đó: diện tích đất trồng lúa 44,54 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 16,75 héc ta; diện tích các loại đất khác 77,22 héc ta;

- Thị xã Phú Thọ 13 dự án với diện tích 24,16 héc ta, trong đó: diện tích đất trồng lúa 9,39 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 0,26 héc ta; diện tích các loại đất khác 14,51 héc ta;

- Huyện Lâm Thao 05 dự án với diện tích 22,45 héc ta, trong đó: diện tích đất trồng lúa 18,34 héc ta; diện tích các loại đất khác 4,11 héc ta;

- Huyện Phù Ninh 07 dự án với diện tích 5,693 héc ta, trong đó: diện tích đất trồng lúa 4,812 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 0,001 héc ta; diện tích các loại đất khác 0,88 héc ta;

- Huyện Thanh Ba 08 dự án với diện tích 16,64 héc ta, trong đó: diện tích đất trồng lúa 8,28 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 0,33 héc ta; diện tích các loại đất khác 8,03 héc ta;

- Huyện Đoan Hùng 05 dự án với diện tích 26,00 héc ta, trong đó: diện tích đất trồng lúa 16,61 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 4,40 héc ta; diện tích các loại đất khác 4,99 héc ta;

- Huyện Hạ Hoà 09 dự án với diện tích 142,00 héc ta, trong đó: diện tích đất trồng lúa 18,06 héc ta; diện tích các loại đất khác 123,94 héc ta;

- Huyện Cẩm Khê 08 dự án với diện tích 9,58 héc ta, trong đó: diện tích vào đất trồng lúa 6,87 héc ta; diện tích các loại đất khác 2,71 héc ta;

- Huyện Yên Lập 10 dự án với diện tích 21,18 héc ta, trong đó: diện tích đất trồng lúa 2,01 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 11,65 héc ta; diện tích các loại đất khác 7,52 héc ta;

- Huyện Tam Nông 06 dự án với diện tích 504,14 héc ta, trong đó: diện tích đất trồng lúa 60,0 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 320,90 héc ta; diện tích các loại đất khác 123,24 héc ta;

- Huyện Thanh Thủy 06 dự án với diện tích 15,92 héc ta, trong đó: diện tích đất trồng lúa 11,45 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 2,51 héc ta; diện tích các loại đất khác 1,96 héc ta;

- Huyện Thanh Sơn 07 dự án với diện tích 5,10 héc ta, trong đó: diện tích đất trồng lúa 1,14 héc ta; diện tích đất rừng phòng hộ 3,0 héc ta; diện tích các loại đất khác 0,96 héc ta;

- Huyện Tân Sơn 06 dự án với diện tích 19,47 héc ta, trong đó: diện tích đất trồng lúa 6,92 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 5,10 héc ta; diện tích các loại đất khác 7,45 héc ta;

- Dự án trên địa bàn 13 huyện, thành, thị (dự án xây dựng các công trình điện của Công ty Điện lực Phú Thọ và Ban quản lý dự án phát triển điện lực - Tổng Công ty điện lực miền Bắc) 34 dự án với diện tích 13,276 héc ta, trong đó: diện tích đất trồng lúa 4,924 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 0,903 héc ta; diện tích các loại đất khác 7,449 héc ta.

(Chi tiết có biểu số 01 và biểu số 1.1 đến 1.14 kèm theo)

Điều 2. Dự án cho chuyển tiếp thực hiện

Tổng số 59 dự án với tổng diện tích 295,74 héc ta (trong đó: diện tích đất trồng lúa 90,04 héc ta, diện tích đất rừng sản xuất 4,25 héc ta và diện tích các loại đất khác là 201,45 héc ta) tại Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(Chi tiết có biểu số 02 kèm theo)

Điều 3. Dự án điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất

Thông qua danh mục các dự án điều chỉnh, bổ sung diện tích, loại đất, địa bàn thực hiện tại các nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua đang còn hiệu lực: tổng số 31 dự án với diện tích 113,531 héc ta (trong đó: diện tích đất trồng lúa 27,193 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 29,684 héc ta; diện tích đất rừng phòng hộ 1,60 héc ta; diện tích các loại đất khác 53,054 héc ta), trong đó:

- Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017: 02 dự án với diện tích 17,22 héc ta (diện tích đất trồng lúa 1,35 héc ta; diện tích các loại đất khác 15,87 héc ta).

- Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 20/7/2018: 03 dự án với diện tích 4,02 héc ta (diện tích đất trồng lúa 1,44 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 0,98 héc ta; diện tích các loại đất khác 1,60 héc ta).

- Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018: 08 dự án với diện tích 27,441 héc ta (diện tích đất trồng lúa 8,513 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 4,414 héc ta; diện tích các loại đất khác 14,514 héc ta).

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 29/3/2019: 01 dự án với diện tích 4,71 héc ta (diện tích đất trồng lúa 3,89 héc ta; diện tích các loại đất khác 0,82 héc ta).

- Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 14/12/2019: 16 dự án với diện tích 58,09 héc ta (diện tích đất trồng lúa 11,95 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 24,29 héc ta; diện tích đất rừng phòng hộ 1,60 héc ta; diện tích các loại đất khác 20,25 héc ta).

- Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 04/3/2020: 01 dự án với diện tích 0,05 héc ta đất trồng lúa.

(Chi tiết có biểu số 03 kèm theo)

Điều 4. Thông qua dự án trình Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích đất trồng lúa trên 10 héc ta, đất rừng sản xuất trên 50 héc ta.

Tổng số có 01 dự án với tổng diện tích 499,05 héc ta, trong đó: diện tích đất trồng lúa 56,0 héc ta; diện tích đất rừng sản xuất 320,90 héc ta; diện tích các loại đất khác 122,15 héc ta.

(Chi tiết có biểu số 04 kèm theo).

Điều 5. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ, khóa XVIII, kỳ họp thứ Mười thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2020./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các Bộ: TN&MT, NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Vụ Pháp chế Bộ TN&MT;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TAND, VKSND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- CVP, các PCVP;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- TT Công báo - Tin học tỉnh (VP UBND tỉnh);
- Lưu VT, TH (T 30b).

CHỦ TỊCH



Bùi Minh Châu